IS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 497/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TM-ĐT ngày 16/08/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/04/2017, Quyết định số 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/09/2017 và Quyết định số 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/04/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học chính quy họp ngày 31/3/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ đại học cho **1327** sinh viên đại học chính quy gồm các ngành/chuyên ngành (Có danh sách kèm theo).

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
I	**Chương trình đào tạo chuẩn**	
1	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	95
2	Quản trị kinh doanh/Tiếng Pháp thương mại	13
3	Quản trị kinh doanh/Tiếng Trung thương mại	21
4	Quản trị khách sạn/Quản trị khách sạn	55
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	49
6	Marketing/Marketing thương mại	113
7	Marketing/Quản trị thương hiệu	86
9	Kế toán/Kế toán doanh nghiệp	102
10	Kế toán/Kế toán công	19
11	Kiểm toán/Kiểm toán	37
12	Kinh doanh quốc tế/Thương mại quốc tế	38
13	Kinh tế quốc tế/Kinh tế quốc tế	27
14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	26

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số lượng
15	Kinh tế/Quản lý kinh tế	105
16	Luật kinh tế/Luật kinh tế	52
17	Thương mại điện tử/Quản trị thương mại điên tử	88
18	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị hệ thống thông tin	75
19	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính - Ngân hàng thương mại	94
20	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính công	16
21	Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh thương mại	47
22	Quản trị nhân lực/Quản trị nhân lực doanh nghiệp	166
II	**Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù**	
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1
2	Hệ thống thông tin quản lý/Quản trị hệ thống thông tin	02

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Trưởng các khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo; các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS,TS Nguyễn Hoàng Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ/CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN
(Kèm theo Quyết định số 497 /QĐ-ĐHTM ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHTM)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn KN SD CNTT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	16D190017	Đỗ Văn	Hùng	Nam	18/06/1998	K52S1	2,39	120	x	x	x	NA	Trung bình	
2	16D190015	Lê Thị	Huyền	Nữ	09/12/1998	K52S1	2,83	120	x	x	x	NA	Khá	
3	16D190077	Hoàng Ngọc	Khánh	Nam	14/04/1998	K52S2	2,50	120	x	x	x	NA	Khá	
4	16D190198	Nguyễn Hải	Linh	Nam	07/01/1998	K52S4	2,63	120	x	x	x	NA	Khá	
5	16D190208	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	09/07/1998	K52S4	2,66	121	x	x	x	NA	Khá	
6	16D190213	Phạm Thị	Thanh	Nữ	31/08/1998	K52S4	2,71	120	x	x	x	NA	Khá	
7	17D190014	Nguyễn Thị Thương	Huyền	Nữ	06/09/1999	K53S1	3,15	120	x	x	x	NA	Khá	
8	17D190063	Nguyễn Thị Linh	Chi	Nữ	28/09/1999	K53S2	2,79	120	x	x	x	NA	Khá	
9	17D190091	Phạm Thị	Thảo	Nữ	15/11/1999	K53S2	2,86	120	x	x	x	NA	Khá	
10	17D190143	Vũ Thị	Nga	Nữ	13/04/1999	K53S3	3,12	120	x	x	x	NA	Khá	
11	17D190162	Trần Thị	Ngân	Nữ	03/02/1999	K53S3	3,11	120	x	x	x	NA	Khá	
12	17D190152	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	04/10/1999	K53S3	2,78	120	x	x	x	NA	Khá	
13	17D190154	Vũ Thị Huyền	Trang	Nữ	21/09/1999	K53S3	2,51	120	x	x	x	NA	Khá	
14	17D190158	Phạm Thị	Vy	Nữ	29/03/1999	K53S3	2,88	120	x	x	x	NA	Khá	
15	17D190184	Vũ Thành	Công	Nam	05/01/1999	K53S4	3,03	120	x	x	x	NA	Khá	
16	17D190185	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	05/08/1999	K53S4	3,03	120	x	x	x	NA	Khá	
17	17D190216	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	08/04/1999	K53S4	2,63	120	x	x	x	NA	Khá	
18	18D190002	Đặng Lan	Anh	Nữ	14/07/2000	K54S1	2,93	121	x	x	x	NA	Khá	
19	18D190003	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	01/10/2000	K54S1	3,30	120	x	x	x	NA	Giỏi	
20	18D190004	Lương Hoàng	Anh	Nam	22/12/2000	K54S1	2,75	120	x	x	x	NA	Khá	
21	18D190009	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	05/01/2000	K54S1	2,92	123	x	x	x	NA	Khá	
22	18D190012	Phạm Nguyệt	Hà	Nữ	23/01/2000	K54S1	3,41	120	x	x	x	NA	Giỏi	
23	18D190015	Đinh Thu	Hiền	Nữ	18/03/2000	K54S1	3,13	123	x	x	x	NA	Khá	
24	18D190014	Chu Văn	Hiếu	Nam	30/10/2000	K54S1	3,47	120	x	x	x	NA	Giỏi	
25	18D190019	Hoàng Thị Thu	Huế	Nữ	12/02/2000	K54S1	2,95	120	x	x	x	NA	Khá	
26	18D190045	Nguyễn Bảo	Thư	Nữ	30/03/2000	K54S1	3,09	120	x	x	x	NA	Khá	
27	18D190044	Bùi Thị	Thuận	Nữ	07/09/2000	K54S1	3,21	120	x	x	x	NA	Giỏi	
28	18D190051	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	Nữ	28/11/2000	K54S1	3,21	120	x	x	x	NA	Giỏi	
29	18D190056	Trương Thị Thu	Yến	Nữ	13/02/2000	K54S1	2,86	120	x	x	x	NA	Khá	
30	18D190075	Phạm Thị	Hiền	Nữ	12/11/2000	K54S2	3,42	120	x	x	x	NA	Giỏi	
31	18D190074	Lê Mạnh	Hiệp	Nam	03/08/2000	K54S2	3,08	120	x	x	x	NA	Khá	
32	18D190081	Nguyễn Huy	Hùng	Nam	15/03/2000	K54S2	2,97	120	x	x	x	NA	Khá	
33	18D190080	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/09/2000	K54S2	2,82	120	x	x	x	NA	Khá	
34	18D190085	Nguyễn Thị Phương	Liên	Nữ	13/01/2000	K54S2	3,05	120	x	x	x	NA	Khá	
35	18D190089	Trần Thị Hương	Ly	Nữ	23/09/2000	K54S2	3,18	120	x	x	x	NA	Khá	
36	18D190090	Trần Thị	Mến	Nữ	24/01/2000	K54S2	3,33	120	x	x	x	NA	Giỏi	
37	18D190105	Vũ Thị Kim	Thư	Nữ	24/03/2000	K54S2	3,35	120	x	x	x	NA	Giỏi	
38	18D190104	Nguyễn Bích	Thuỷ	Nữ	21/07/2000	K54S2	2,92	120	x	x	x	NA	Khá	
39	18D190108	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	23/10/2000	K54S2	3,38	120	x	x	x	NA	Giỏi	
40	18D190163	Hứa Diệp	Thu	Nữ	05/10/2000	K54S3	3,14	120	x	x	x	NA	Khá	
41	18D190165	Phạm Thị Hồng	Thư	Nữ	28/10/2000	K54S3	2,64	122	x	x	x	NA	Khá	
42	18D190168	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	14/07/2000	K54S3	3,34	122	x	x	x	NA	Giỏi	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn KN SD CNTT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
43	18D190202	Vũ Thị	Hương	Nữ	05/06/2000	K54S4	3,22	120	x	x	x	NA	Giỏi	
44	18D190209	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	14/09/2000	K54S4	3,10	120	x	x	x	NA	Khá	
45	18D190216	Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	06/06/2000	K54S4	3,34	120	x	x	x	NA	Giỏi	
46	18D190225	Nguyễn Kim	Thư	Nữ	30/03/2000	K54S4	3,13	120	x	x	x	NA	Khá	
47	18D190226	Đỗ Văn	Tiệp	Nam	06/06/2000	K54S4	3,58	120	x	x	x	NA	Giỏi	
48	18D190233	Trần Thị Hồng	Vân	Nữ	20/12/2000	K54S4	2,72	120	x	x	x	NA	Khá	
49	19D190002	Doãn Thị Hà	Anh	Nữ	27/04/2001	K55S1	3,34	120	x	x	x	NA	Giỏi	
50	19D190007	Vũ Ngọc	Ánh	Nữ	27/11/2001	K55S1	3,37	120	x	x	x	NA	Giỏi	
51	19D190009	Lê Thị Bảo	Châu	Nữ	10/02/2001	K55S1	3,15	120	x	x	x	NA	Khá	
52	19D190019	Tào Thị	Giang	Nữ	10/01/2001	K55S1	3,63	120	x	x	x	NA	Xuất sắc	
53	19D190022	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	10/08/2001	K55S1	3,50	120	x	x	x	NA	Giỏi	
54	19D190025	Trần Đức	Hoàng	Nam	19/01/2001	K55S1	3,15	120	x	x	x	NA	Khá	
55	19D190026	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	01/10/2001	K55S1	3,45	120	x	x	x	NA	Giỏi	
56	19D190030	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	31/05/2001	K55S1	3,41	120	x	x	x	NA	Giỏi	
57	19D190031	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	13/08/2001	K55S1	3,36	120	x	x	x	NA	Giỏi	
58	19D190037	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	01/10/2001	K55S1	3,44	120	x	x	x	NA	Giỏi	
59	19D190040	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	30/09/2001	K55S1	3,16	120	x	x	x	NA	Khá	
60	19D190048	Khuất Hữu	Thắng	Nam	13/02/2001	K55S1	3,13	120	x	x	x	NA	Khá	
61	19D190047	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	13/02/2001	K55S1	3,51	120	x	x	x	NA	Giỏi	
62	19D190052	Trịnh Thị	Thư	Nữ	05/06/2001	K55S1	3,26	120	x	x	x	NA	Giỏi	
63	19D190056	Trịnh Thị Thanh	Trà	Nữ	30/06/2001	K55S1	3,30	120	x	x	x	NA	Giỏi	
64	19D190059	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	30/03/2001	K55S1	2,98	120	x	x	x	NA	Khá	
65	19D190072	Đinh Công Tiến	Anh	Nam	10/10/2001	K55S2	3,33	120	x	x	x	NA	Giỏi	
66	19D190078	Phạm Thị	Bình	Nữ	19/06/2001	K55S2	3,29	120	x	x	x	NA	Giỏi	
67	19D190086	Lê Phát	Đạt	Nam	20/09/2001	K55S2	3,20	120	x	x	x	NA	Giỏi	
68	19D190090	Nguyễn Mai	Hạnh	Nữ	16/08/2001	K55S2	3,51	120	x	x	x	NA	Giỏi	
69	19D190091	Nguyễn Đình	Hậu	Nam	19/11/2001	K55S2	3,75	120	x	x	x	NA	Xuất sắc	
70	19D190095	Bùi Thị	Hòa	Nữ	15/01/2001	K55S2	3,49	120	x	x	x	NA	Giỏi	
71	19D190096	Lê Bách	Hợp	Nam	09/10/2001	K55S2	3,06	120	x	x	x	NA	Khá	
72	19D190098	Nguyễn Phạm Vân	Khánh	Nữ	11/11/2001	K55S2	3,44	120	x	x	x	NA	Giỏi	
73	19D190107	Đoàn Minh	Ngọc	Nữ	13/11/2001	K55S2	3,50	120	x	x	x	NA	Giỏi	
74	19D190110	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/08/2001	K55S2	3,14	120	x	x	x	NA	Khá	
75	19D190114	Trịnh Thị	Sương	Nữ	06/05/2001	K55S2	3,44	120	x	x	x	NA	Giỏi	

Ghi chú:
Điểm TBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy
Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy
GDTC: Giáo dục quốc phòng
GDQP: Giáo dục thể chất
CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ
Chuẩn KN SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
NA: Không áp dụng điều kiện
X: Đạt điều kiện

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS,TS Nguyễn Hoàng Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ/CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số 497 /QĐ-ĐHTM ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHTM)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Điểm TBCTL	Tổng số TCTL	GDTC	GDQP	CĐR ngoại ngữ	Chuẩn KN SD CNTT	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	18D190533	Ngô Duy	Mạnh	Nam	27/05/2000	K54SD	3,19	120	x	x	x	NA	Khá	
2	18D190555	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	02/12/2000	K54SD	3,12	120	x	x	x	NA	Khá	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS,TS Nguyễn Hoàng Việt

Ghi chú:
Điểm TBCTL: Điểm trung bình chung tích lũy
Tổng số TCTL: Tổng số tín chỉ tích lũy
GDTC: Giáo dục quốc phòng
GDQP: Giáo dục thể chất
CĐR ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ
Chuẩn KN SD CNTT: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
NA: Không áp dụng điều kiện
X: Đạt điều kiện